

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐỨC PHỔ
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2021/ HNGĐ - ST

Ngày: 22/07/2021

V/v “*ly hôn, tranh chấp
nuôi con*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ, TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Duẩn

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Huỳnh Thị Mỹ Lễ, Ông Võ Cư

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Hòa – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ tham gia phiên tòa:
Hoàng Thị Xuân thu - Kiểm sát viên.

Ngày 22/07/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 210/2020/TLST - HNGĐ ngày 30/12/2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2021/QĐXX - ST ngày 28/05/2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 66/2021/QĐST-HNGĐ ngày 28/06/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Th, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Tổ dân phố 2, phường N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi;

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Tổ dân phố 2, phường N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi;

Tại phiên tòa chị T có mặt, anh T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/12/2020, đơn khởi kiện bổ sung ngày 29/12/2020, biên bản ghi lời khai ngày 05/05/2021 và quá trình tố tụng tại Tòa án chị Lê Thị Th trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn với nhau vào năm 2005, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ (nay là phường N, thị xã Đ), tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 30/12/2005. Sau khi kết hôn vợ chồng sống không hạnh phúc, luôn phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do trong cuộc sống giữa chị và anh T có nhiều quan điểm không đồng thuận nên thường hay cãi vã với nhau, mâu thuẫn ngày càng xảy ra trầm trọng hơn; từ tháng 8/2020 đến nay giữa chị và anh T phần ai nấy sống, không

còn quan tâm lẫn nhau. Nay chị xét thấy hạnh phúc vợ chồng không còn, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung tên Nguyễn Lê Tuyết K, sinh ngày 22/08/2006, Nguyễn Anh K, sinh ngày 08/9/2011, hiện nay các con do chị chăm sóc, nuôi dưỡng, khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung, yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

* *Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 05/05/2021 anh Nguyễn Văn T trình bày:* Về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung đúng như chị Th đã trình bày. Tuy nhiên, trong cuộc sống vợ chồng cũng có những bất đồng về cách sống nên thường hay cãi vã nhau, từ đó tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, không còn quan tâm lẫn nhau. Nay chị Th xin ly hôn anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Khi ly hôn tùy vào nguyện vọng của các con. Trường hợp các con ở với anh thì anh đồng ý chăm sóc, nuôi dưỡng không yêu cầu chị Th cấp dưỡng cho con; trường hợp các con ở với chị Th thì anh đồng ý giao cho chị Th chăm sóc, nuôi dưỡng anh có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh thống nhất theo yêu cầu của chị Th.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ phát biểu quan điểm:

I. Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

1. Việc tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã chấp hành đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Đối với nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Đối với bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

II. Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị Lê Thị Th được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cho chị Lê Thị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung tên Nguyễn Lê Tuyết K, sinh ngày 22/08/2006, Nguyễn Anh K, sinh ngày 08/9/2011. Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng cho con: Căn cứ Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Th về cấp dưỡng cho con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

- Về nợ chung: Không có, nên không xét.

- Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5, điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Lê Thị Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí cấp dưỡng cho con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do hoặc không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Th và anh Nguyễn Văn T kết hôn với nhau vào năm 2005, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ (nay là phường N, thị xã Đ), tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 30/12/2005, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn thì vợ chồng sống không hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do trong cuộc sống giữa chị Th và anh T có nhiều quan điểm không đồng thuận nên thường hay cãi vã với nhau, mâu thuẫn ngày càng xảy ra trầm trọng hơn, nên từ tháng 8/2020 đến nay chị Th và anh T phần ai nấy sống không còn quan tâm lẫn nhau. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị Th và

anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị Th xin ly hôn anh T là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận, phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Chị Th và anh T có 02 người con chung tên Nguyễn Lê Tuyết K, sinh ngày 22/08/2006, Nguyễn Anh K, sinh ngày 08/9/2011. Hiện nay các con đang do chị Th trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét yêu cầu, nguyện vọng của chị Th, anh T và của các con chị Th, anh T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc giao con cho ai nuôi dưỡng cần xem xét về mọi mặt, quyền lợi và nguyện vọng của các con; mặt khác, các con đang do chị Th trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, nguyện vọng của các con khi chị Th, anh T ly hôn các con có nguyện vọng ở với chị Th. Do vậy, để đảm bảo tốt về mọi mặt cho các cháu. Căn cứ vào Điều 81 của luật hôn nhân và gia đình, Tòa án giao 02 người con chung tên Nguyễn Lê Tuyết K, sinh ngày 22/08/2006, Nguyễn Anh K, sinh ngày 08/9/2011 cho chị Th trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng. Buộc anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con mỗi cháu 750.000 đồng/tháng (02 cháu x 750.000đ = 1.500.000 đồng); người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Sau khi ly hôn đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản chung: Chị Lê Thị Th và anh Nguyễn Văn T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[4] Về nợ chung: Không có.

[5] Về án phí: Chị Lê Thị Th phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí cấp dưỡng cho con là 300.000 đồng.

[5] Đề nghị của kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ tại phiên tòa phù hợp với nhận định trên, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 39, 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 235, 266, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Th được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Lê Tuyết K, sinh ngày 22/08/2006, Nguyễn Anh K, sinh ngày 08/9/2011 cho chị Th trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Buộc anh Nguyễn Văn T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con Nguyễn Lê Tuyết K và Nguyễn Anh K mỗi tháng là 750.000đ/01cháu (02cháu x 750.000đ/tháng = 1.500.000 đồng); thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01/08/2021 đến khi 02 con chung của chị Th, anh T đủ 18 tuổi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở. Sau khi ly hôn đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về tài sản chung: Chị Th, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Chị Lê Thị Th phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự ly hôn sơ thẩm. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí sơ thẩm số AA/2018/0004756 ngày 30/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ. Anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí cấp dưỡng cho con là 300.000 đồng.

Đương sự có mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND thị xã Đức Phổ;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thị xã Đức Phổ;
- Lưu hồ sơ, án văn;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Duẩn

